

Số: 41/2010/QĐ-UBND

Đà Nẵng, ngày 06 tháng 12 năm 2010

QUYẾT ĐỊNH

Về việc ban hành Quy định phân cấp nguồn thu, nhiệm vụ chi, định mức phân bổ dự toán chi ngân sách địa phương năm 2011, năm đầu của thời kỳ ổn định ngân sách mới theo quy định của Luật Ngân sách nhà nước; tỷ lệ phần trăm (%) phân chia các khoản thu phân chia giữa các cấp ngân sách địa phương của thành phố Đà Nẵng

ỦY BAN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ ĐÀ NẴNG

Căn cứ Luật Tổ chức Hội đồng nhân dân và Ủy ban nhân dân ngày 26 tháng 11 năm 2003;

Căn cứ Luật Ngân sách Nhà nước số 01/2002/QH11 ngày 16 tháng 12 năm 2002;

Căn cứ Nghị định số 60/2003/NĐ-CP ngày 06 tháng 6 năm 2003 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành Luật Ngân sách Nhà nước;

Căn cứ Quyết định số 59/2010/QĐ-TTg ngày 30 tháng 9 năm 2010 của Thủ tướng Chính phủ về việc ban hành định mức phân bổ dự toán chi thường xuyên ngân sách nhà nước năm 2011;

Căn cứ Nghị quyết số 104/2010/NQ-HĐND ngày 03/12/2010 của HĐND thành phố Đà Nẵng về phân cấp nguồn thu, nhiệm vụ chi, tỷ lệ phần trăm (%) phân chia các khoản thu giữa các cấp ngân sách địa phương và định mức phân bổ dự toán chi ngân sách địa phương năm 2011, năm đầu thời kỳ ổn định ngân sách mới theo Luật Ngân sách nhà nước;

Theo đề nghị của Giám đốc Sở Tài chính thành phố Đà Nẵng,

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Ban hành kèm theo Quyết định này Quy định phân cấp nguồn thu, nhiệm vụ chi, định mức phân bổ dự toán chi ngân sách địa phương năm 2011, năm đầu của thời kỳ ổn định ngân sách mới theo quy định của Luật Ngân sách nhà nước và tỷ lệ phần trăm (%) phân chia các khoản thu phân chia giữa các cấp ngân sách địa phương.

Điều 2. Quy định phân cấp nguồn thu, nhiệm vụ chi và định mức phân bổ dự toán chi ngân sách địa phương ban hành theo Quyết định này là cơ sở để xây dựng và phân bổ dự toán chi ngân sách địa phương kể từ năm 2011, năm đầu của thời kỳ ổn định ngân sách mới theo quy định của Luật Ngân sách nhà nước.

Điều 3. Căn cứ quy định phân cấp nguồn thu, nhiệm vụ chi và định mức phân bổ dự toán chi ngân sách địa phương, tỷ lệ phần trăm (%) phân chia các khoản thu phân chia giữa các cấp ngân sách địa phương ban hành kèm theo Quyết định này và các chỉ tiêu kế hoạch tài chính - ngân sách được giao:

- Giám đốc các Sở, Ban, ngành, Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp quận, huyện và phường tiến hành phân bổ và giao dự toán ngân sách hàng năm cho các đơn vị trực thuộc tổ chức thực hiện.

- Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp xã tiến hành phân bổ dự toán ngân sách hàng năm, trình HĐND cấp mình quyết định để giao dự toán cho các đơn vị trực thuộc tổ chức thực hiện.

Điều 4. Hiệu lực thi hành.

1. Quyết định này có hiệu lực thi hành sau 10 ngày kể từ ngày ký, được áp dụng trên địa bàn thành phố Đà Nẵng từ năm ngân sách 2011 và thời kỳ ổn định ngân sách mới theo quy định của Luật Ngân sách nhà nước.

2. Quyết định này thay thế Quyết định số 95/2006/QĐ-UBND ngày 23 tháng 10 năm 2006 của UBND thành phố Đà Nẵng ban hành Quy định về phân cấp nguồn thu và nhiệm vụ chi, thời kỳ ổn định ngân sách, định mức phân bổ dự toán chi ngân sách địa phương từ năm 2007 đến năm 2010 của thành phố Đà Nẵng, Quyết định số 106/2006/QĐ-UBND ngày 15 tháng 12 năm 2006 về việc điều chỉnh Quyết định số 95/2006/QĐ-UBND ngày 23 tháng 10 năm 2006 của UBND thành phố; Những quy định khác có nội dung liên quan trái với quy định tại quyết định này đều không còn hiệu lực thi hành kể từ năm ngân sách 2011.

Điều 5. Chánh Văn phòng UBND thành phố, Giám đốc Sở Tài chính, Giám đốc Kho bạc Nhà nước Đà Nẵng, Cục trưởng Cục thuế Đà Nẵng, Thủ trưởng các cơ quan chuyên môn thuộc Ủy ban nhân dân thành phố, Chủ tịch Ủy ban nhân dân các quận, huyện và các đơn vị có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH

Võ Duy Khương

QUY ĐỊNH

Phân cấp nguồn thu, nhiệm vụ chi và định mức phân bổ dự toán chi ngân sách địa phương năm 2011, năm đầu thời kỳ ổn định ngân sách mới theo quy định Luật Ngân sách nhà nước và tỷ lệ phần trăm (%) phân chia các khoản thu phân chia giữa các cấp ngân sách địa phương
(Ban hành kèm theo Quyết định số 41/2010/QĐ-UBND ngày 06 tháng 12 năm 2010 của Ủy ban nhân dân thành phố Đà Nẵng)

Chương I

NHỮNG QUY ĐỊNH CHUNG

Điều 1. Mục đích, yêu cầu phân cấp nguồn thu, nhiệm vụ chi và xây dựng hệ thống định mức.

1. Nâng cao tính chủ động và trách nhiệm của các cấp chính quyền địa phương trong việc quản lý, sử dụng nguồn ngân sách nhà nước; đảm bảo nguồn thu đáp ứng kịp thời nhiệm vụ chi phát triển kinh tế - xã hội và giữ gìn an ninh - trật tự trên địa bàn của các cấp chính quyền địa phương.

2. Thực hiện ổn định ngân sách trong một thời kỳ nhất định theo quy định của Luật Ngân sách nhà nước.

3. Tăng cường phân cấp nguồn thu cho ngân sách cấp dưới nhằm đảm bảo khả năng tự cân đối ngân sách của các cấp, giảm dần số bổ sung từ ngân sách cấp trên.

4. Đảm bảo kinh phí hoạt động cho các ngành, địa phương hoàn thành các mục tiêu theo Nghị quyết HĐND; tăng mức ưu tiên đối với khu vực miền núi.

5. Thúc đẩy thực hành tiết kiệm, chống lãng phí; cải cách hành chính nâng cao chất lượng dịch vụ công, sử dụng hiệu quả ngân sách nhà nước.

6. Đẩy mạnh xã hội hóa, huy động các nguồn lực xã hội để phát triển kinh tế - xã hội; thực hiện chế độ tự chủ, tự chịu trách nhiệm về sử dụng biên chế và kinh phí quản lý hành chính đối với các cơ quan hành chính nhà nước; giao quyền tự chủ, tự chịu trách nhiệm về thực hiện nhiệm vụ, tổ chức bộ máy, biên chế và tài chính đối với đơn vị sự nghiệp công lập theo quy định của Chính phủ.

Điều 2. Nguyên tắc phân cấp nguồn thu, nhiệm vụ chi và xây dựng hệ thống định mức.

1. Phù hợp với phân cấp quản lý kinh tế - xã hội, quốc phòng, an ninh và năng lực quản lý của mỗi cấp trên địa bàn;

2. Ngân sách thành phố giữ vai trò chủ đạo, bảo đảm thực hiện các nhiệm vụ quan trọng trên địa bàn thành phố; đồng thời, đảm bảo việc cân đối cho những địa phương chưa thể cân đối được, giúp cho các địa phương chủ động trong cân đối ngân sách cấp mình;

3. Hệ thống định mức 2011 được xây dựng trên cơ sở kết quả thực hiện nhiệm vụ chi các năm qua; các chế độ, chính sách, nhiệm vụ mới do Nhà nước ban hành và đảm bảo toàn bộ tiền lương theo mức tiền lương tối thiểu: 730.000 đồng;

4. Tiếp tục sử dụng tiêu chí dân số làm tiêu chí chủ yếu để phân bổ dự toán chi ngân sách; đồng thời, căn cứ vào tính chất, đặc điểm của từng lĩnh vực, từng vùng để sử dụng các tiêu thức bổ sung cho phù hợp như: số lượng giường bệnh, số lượng học sinh theo từng cấp học, số đối tượng chính sách, đặc điểm vị trí địa lý của từng địa phương;

5. Đảm bảo định mức mới phân bổ cho các đơn vị, địa phương có mức tăng hợp lý so với giai đoạn trước; đồng thời, phải đảm bảo phù hợp với tốc độ tăng thu ngân sách hằng năm và khả năng cân đối ngân sách địa phương.

Chương II

PHÂN CẤP NGUỒN THU, NHIỆM VỤ CHI GIỮA CÁC CẤP NGÂN SÁCH

Điều 3. Nguồn thu ngân sách địa phương được hưởng 100%

1. Các khoản thu ngân sách cấp thành phố được hưởng, gồm:

a) Thuế tài nguyên của các doanh nghiệp nhà nước, doanh nghiệp có vốn đầu tư nước ngoài (không kể thuế tài nguyên thu từ hoạt động dầu khí), doanh nghiệp tư nhân, công ty trách nhiệm hữu hạn, công ty cổ phần và các đơn vị khác (kể cả doanh nghiệp và đơn vị trực thuộc các doanh nghiệp có trụ sở chính ngoài địa bàn thành phố) do Cục Thuế thành phố Đà Nẵng trực tiếp quản lý thu;

b) Thuế môn bài của các doanh nghiệp nhà nước, doanh nghiệp có vốn đầu tư nước ngoài, doanh nghiệp tư nhân, công ty trách nhiệm hữu hạn, công ty cổ phần và các đơn vị khác do Cục Thuế thành phố Đà Nẵng trực tiếp quản lý thu;

c) Tiền sử dụng đất;

d) Lệ phí trước bạ nhà, đất từ các tổ chức do Cục Thuế thành phố quản lý thu (*trừ lệ phí trước bạ đối với tài sản khác như ô tô, xe máy, tàu thuyền....*);

đ) Tiền đền bù thiệt hại đất, tiền cho thuê mặt đất, tiền thuê mặt nước (không kể tiền thuê mặt nước thu từ hoạt động dầu khí), tiền thuê mặt nước gắn với đất liền;

e) Tiền cho thuê nhà và bán nhà thuộc sở hữu nhà nước;

g) Thu từ hoạt động xổ số kiến thiết;

h) Thu nhập từ vốn góp của ngân sách địa phương, tiền thu hồi vốn của ngân sách địa phương tại các cơ sở kinh tế, thu thanh lý tài sản và các khoản thu khác của doanh nghiệp nhà nước do địa phương quản lý, phần nộp ngân sách theo quy định của pháp luật, thu từ Quỹ dự trữ tài chính của thành phố;

i) Viện trợ không hoàn lại của các tổ chức, cá nhân ở nước ngoài trực tiếp cho các cơ quan, đơn vị do thành phố quản lý;

k) Các khoản phí, lệ phí - phần nộp ngân sách nhà nước theo quy định của pháp luật do các cơ quan, đơn vị thuộc thành phố tổ chức thu (*không kể phí xăng dầu*);

l) Thu từ huy động đầu tư xây dựng các công trình kết cấu hạ tầng theo quy định tại Khoản 3, Điều 8 của Luật Ngân sách Nhà nước (Luật NSNN);

m) Thu kết dư ngân sách thành phố;

n) Các khoản thu khác ngân sách do thành phố quản lý thu: các khoản phạt, tịch thu, thanh lý tài sản và thu khác của ngân sách thành phố theo quy định của pháp

luật; huy động từ các tổ chức, cá nhân theo quy định của pháp luật; đóng góp tự nguyện của các tổ chức, cá nhân trong và ngoài nước cho ngân sách thành phố;

o) Thu bổ sung từ ngân sách trung ương;

p) Thu chuyển nguồn từ ngân sách thành phố năm trước sang năm sau.

2. Các khoản thu ngân sách quận, huyện được hưởng, gồm:

a) Thuế tài nguyên của các tổ chức, cá nhân, hộ kinh doanh gồm: hợp tác xã, tổ hợp tác (hoạt động theo Luật Hợp tác xã); doanh nghiệp tư nhân; công ty trách nhiệm hữu hạn; công ty cổ phần; hộ kinh doanh và các tổ chức, cá nhân khác (kể cả doanh nghiệp và các đơn vị trực thuộc các doanh nghiệp có trụ sở chính ngoài địa bàn thành phố) do Chi cục Thuế quận, huyện trực tiếp quản lý thu;

b) Thuế môn bài của các tổ chức, cá nhân, hộ kinh doanh gồm: hợp tác xã, tổ hợp tác (hoạt động theo Luật Hợp tác xã); doanh nghiệp tư nhân, công ty trách nhiệm hữu hạn, công ty cổ phần; hộ kinh doanh và các tổ chức, cá nhân khác do Chi cục Thuế quận, huyện trực tiếp quản lý thu;

c) Các khoản phí, lệ phí - phần nộp ngân sách nhà nước theo quy định của pháp luật do các cơ quan, đơn vị thuộc quận, huyện tổ chức thu;

d) Viện trợ không hoàn lại của các tổ chức, cá nhân ở nước ngoài trực tiếp cho các cơ quan, đơn vị do quận, huyện quản lý;

đ) Các khoản thu khác ngân sách do quận, huyện quản lý thu: các khoản phạt, tịch thu, thanh lý tài sản; thu từ các hoạt động sự nghiệp khác - phần nộp ngân sách nhà nước theo quy định của pháp luật; thu khác từ các hộ kinh doanh cá thể, hợp tác xã, doanh nghiệp tư nhân, công ty trách nhiệm hữu hạn, công ty cổ phần và các đơn vị khác do Chi cục Thuế quận, huyện quản lý thu; thu khác của ngân sách quận, huyện theo quy định của pháp luật; huy động từ các tổ chức, cá nhân theo quy định của pháp luật để đầu tư xây dựng các công trình do quận, huyện làm chủ dự án. Đóng góp tự nguyện của các tổ chức, cá nhân trong và ngoài nước cho ngân sách quận, huyện;

e) Lệ phí trước bạ nhà, đất và các tài sản khác (*ô tô, xe máy, tàu thuyền...*) từ các tổ chức, cá nhân do Chi cục Thuế quận, huyện quản lý thu;

g) Thu kết dư ngân sách quận, huyện;

h) Thu bổ sung từ ngân sách thành phố;

i) Thu chuyển nguồn từ ngân sách quận, huyện năm trước sang năm sau.

3. Các khoản thu ngân sách phường, xã được hưởng, gồm:

a) Các khoản phí, lệ phí phần nộp ngân sách phường, xã theo quy định của pháp luật do các cơ quan, đơn vị thuộc phường, xã tổ chức thu;

b) Thu đấu thầu, thu khoán theo mùa vụ từ quỹ đất công ích và hoa lợi công sản khác theo quy định của pháp luật do phường, xã quản lý; các khoản thu khác của ngân sách phường, xã theo qui định của pháp luật; các khoản huy động đóng góp của tổ chức, cá nhân trong và ngoài nước cho ngân sách phường, xã, gồm: các khoản huy động đóng góp theo quy định của pháp luật, các khoản đóng góp theo nguyên tắc tự nguyện để đầu tư xây dựng cơ sở hạ tầng và các khoản đóng góp tự nguyện khác;

c) Thu viện trợ không hoàn lại của các tổ chức, cá nhân ở ngoài nước trực tiếp cho ngân sách phường, xã theo quy định;

d) Thu kết dư ngân sách phường, xã;

đ) Thu bổ sung từ ngân sách quận, huyện;

e) Thu chuyển nguồn từ ngân sách phường, xã năm trước sang năm sau.

Điều 4. Nguồn thu phân chia giữa các cấp ngân sách

1. Các khoản thu phân chia giữa ngân sách trung ương với ngân sách địa phương, gồm:

a) Thuế giá trị gia tăng (*không kể thuế giá trị gia tăng hàng hoá nhập khẩu, thuế giá trị gia tăng thu từ hoạt động xổ số kiến thiết*);

b) Thuế thu nhập doanh nghiệp (*không kể thuế thu nhập doanh nghiệp của các đơn vị hạch toán toàn ngành và thuế thu nhập doanh nghiệp từ hoạt động xổ số kiến thiết*);

c) Thuế thu nhập cá nhân;

d) Thuế tiêu thụ đặc biệt thu từ hàng hoá, dịch vụ trong nước (*không kể thuế tiêu thụ đặc biệt thu từ hoạt động xổ số kiến thiết*);

e) Phí xăng, dầu (thực hiện theo quy định hiện hành).

2. Các khoản thu phân chia giữa ngân sách thành phố với ngân sách quận, huyện, gồm:

a) Thuế giá trị gia tăng (*không kể thuế giá trị gia tăng hàng hoá nhập khẩu*) của các hộ kinh doanh cá thể, doanh nghiệp tư nhân, công ty trách nhiệm hữu hạn, công ty cổ phần và các đơn vị khác do Chi cục Thuế quận, huyện trực tiếp quản lý thu;

b) Thuế thu nhập doanh nghiệp của doanh nghiệp tư nhân, công ty trách nhiệm hữu hạn, công ty cổ phần và các đơn vị khác do Chi cục Thuế quận, huyện trực tiếp quản lý thu;

c) Thuế tiêu thụ đặc biệt thu từ hàng hoá, dịch vụ trong nước của các hộ kinh doanh cá thể, hợp tác xã, các doanh nghiệp tư nhân, công ty trách nhiệm hữu hạn, công ty cổ phần và các đơn vị khác do Chi cục Thuế quận, huyện trực tiếp quản lý thu; thuế tiêu thụ đặc biệt từ hoạt động karaoke, massage, vũ trường phân cấp cho Chi cục Thuế quận, huyện trực tiếp quản lý thu;

d) Thuế thu nhập cá nhân do Chi cục Thuế quận huyện quản lý thu.

3. Các khoản thu phân chia giữa ngân sách quận, huyện với ngân sách phường, xã, gồm:

a) Thuế giá trị gia tăng của các hộ kinh doanh cá thể do Chi cục Thuế quận, huyện quản lý thu;

b) Thuế thu nhập cá nhân do Chi cục Thuế quận, huyện quản lý thu;

c) Thuế tiêu thụ đặc biệt thu từ hàng hoá, dịch vụ trong nước của các hộ kinh doanh cá thể;

d) Thuế môn bài các hộ kinh doanh cá thể;

đ) Thuế nhà, đất do Chi cục Thuế quận, huyện quản lý thu;

e) Lệ phí trước bạ nhà, đất từ các cá nhân phát sinh trên địa bàn các xã do Chi cục Thuế huyện Hòa Vang quản lý thu;

g) Thuế sử dụng đất nông nghiệp (nếu có).

Điều 5. Phân cấp nhiệm vụ chi ngân sách cấp thành phố

1. Chi đầu tư phát triển

a) Đầu tư xây dựng các công trình kết cấu hạ tầng kinh tế- xã hội do cấp thành phố quản lý;

b) Cấp, bổ sung vốn điều lệ, hoạt động cho các tổ chức tài chính của thành phố theo quy định của pháp luật;

c) Chi đầu tư phát triển trong các chương trình mục tiêu quốc gia do các cơ quan thành phố thực hiện;

d) Các khoản chi đầu tư khác theo qui định của pháp luật.

2. Chi thường xuyên

a) Sự nghiệp giáo dục - đào tạo và dạy nghề: Giáo dục trung học phổ thông, trường THCS Nguyễn Khuyến, giáo dục phổ thông chuyên biệt, giáo dục thường xuyên; đào tạo trung học chuyên nghiệp, đào tạo nghề, đào tạo nghề hệ cao đẳng, đào tạo ngắn hạn, đào tạo lại và các hình thức giáo dục đào tạo khác theo các chương trình, đề án của thành phố.

b) Sự nghiệp y tế: Chi công tác phòng bệnh, công tác chữa bệnh (*bao gồm nhiệm vụ chi của Trung tâm y tế quận Cẩm Lệ, huyện Hòa Vang và các trạm y tế trực thuộc*); chi lương cho cán bộ làm công tác dân số ở phường, xã thuộc quận Cẩm Lệ và huyện Hòa Vang; công tác chăm sóc bảo vệ sức khỏe cán bộ; chi cho công tác điều dưỡng và phục hồi chức năng; và các hoạt động y tế khác thuộc cấp thành phố quản lý; kinh phí thực hiện nhiệm vụ dân số; kinh phí mua thẻ bảo hiểm y tế cho trẻ em dưới 6 tuổi; kinh phí mua thẻ bảo hiểm cho người nghèo, đồng bào dân tộc; kinh phí hỗ trợ mua bảo hiểm y tế cận nghèo, học sinh, sinh viên,...

c) Sự nghiệp văn hóa thông tin: Bảo tồn, bảo tàng, thư viện, biểu diễn nghệ thuật; Chi hoạt động của Ban chỉ đạo toàn dân đoàn kết xây dựng đời sống văn hóa theo Thông tư Liên tịch số 31/2006/TTLT/BTC-BVHTT ngày 07/4/2006 của Bộ Tài chính - Bộ Văn hóa Thông tin (*sau đây viết tắt là Thông tư Liên tịch số 31/2006/TTLT/BTC-BVHTT*); thực hiện chương trình nếp sống văn minh đô thị, thực hiện hoạt động về gia đình và hoạt động văn hóa khác.

d) Sự nghiệp phát thanh truyền hình: Chi hoạt động của Đài Phát thanh - Truyền hình thành phố.

đ) Sự nghiệp thể dục thể thao: Chi tổ chức cho các giải thi đấu cấp thành phố; kinh phí cho Vận động viên cấp quốc gia đạt giải thành tích cao và Vận động viên khuyết tật; kinh phí cho các hoạt động thể thao khác

e) Sự nghiệp khoa học và công nghệ: Nghiên cứu khoa học; hoạt động đo lường chất lượng; chương trình phát triển và ứng dụng công nghệ thông tin và các hoạt động khoa học công nghệ khác.

g) Sự nghiệp đảm bảo xã hội: Hoạt động xã hội tập trung tại các Trung tâm bảo trợ xã hội; hoạt động xã hội không tập trung như: công tác cứu tế xã hội; cứu đói; xóa đói giảm nghèo; phòng chống tệ nạn xã hội; chương trình quản lý sau cai nghiện và phòng chống mại dâm; kinh phí bảo hiểm y tế cho cựu thanh niên xung phong, đối tượng chính sách, trẻ mồ côi tại các trung tâm bảo trợ xã hội; công tác tuyên truyền, bảo vệ trẻ em; hỗ trợ bảo hiểm thất nghiệp cho các đơn vị sự nghiệp thuộc thành phố quản lý; cho vay giải quyết việc làm; thăm hỏi các đối tượng nhân ngày lễ, tết; tham quan nghỉ dưỡng của đối tượng chính sách; các hoạt động đảm bảo xã hội khác...

h) Sự nghiệp kinh tế:

- Sự nghiệp nông nghiệp, thủy lợi, ngư nghiệp và lâm nghiệp: duy tu, bảo dưỡng các công trình thủy lợi; công tác khuyến lâm, khuyến nông, khuyến ngư; chi

khoanh nuôi, bảo vệ, phòng chống cháy rừng; khai thác nuôi trồng và bảo vệ nguồn lợi thủy sản; thực hiện chính sách miễn thu thủy lợi phí; thực hiện chương trình tam nông theo Nghị quyết số 02-NQ/TU ngày 30/10/2007 của Thường vụ Thành ủy.

- Sự nghiệp giao thông, kiến thiết thị chính: Thực hiện công tác quản lý, chăm sóc cây xanh, công viên; quản lý, duy tu, bảo dưỡng cầu, đường (rộng trên 7,5m); quản lý, vận hành hệ thống đèn tín hiệu giao thông; quản lý, vận hành và duy tu, bảo dưỡng hệ thống điện chiếu sáng công cộng; chi phí điện chiếu sáng công cộng; và các hoạt động đảm bảo giao thông và kiến thiết thị chính khác.

- Sự nghiệp tài nguyên:

+ Đo đạc bản đồ, thành lập bản đồ địa chính; xây dựng bản đồ hiện trạng sử dụng đất các cấp; thống kê hiện trạng sử dụng đất hàng năm; tổng kiểm kê, kiểm tra, tổng hợp, xử lý số liệu đất đai định kỳ theo quy định của Luật Đất đai;

+ Chính lý biến động đất đai; đánh giá, phân hạng đất; lập kế hoạch sử dụng đất đai định kỳ, điều chỉnh, bổ sung kế hoạch sử dụng đất đai hàng năm; quản lý, thu thập, xử lý thông tin, lưu trữ, cập nhật và cung cấp tư liệu đo đạc bản đồ và quản lý tài nguyên khoáng sản theo quy định.

- Sự nghiệp kinh tế khác: hoạt động khuyến công; xúc tiến du lịch, thương mại, đầu tư, phục vụ đối ngoại và các hoạt động khác của các đơn vị thuộc sự nghiệp kinh tế khác; kinh phí quy hoạch dự án theo Thông tư số 24/2008/TT-BTC ngày 14/3/2008 của Bộ Tài chính.

i) Sự nghiệp môi trường:

- Hoạt động quan trắc phân tích môi trường (thành phần môi trường đất, nước, không khí,...) đối với chương trình quan trắc địa phương, quan trắc giám sát tác động của môi trường ở địa phương;

- Điều tra cơ bản thành phần môi trường; điều tra, đánh giá tình hình ô nhiễm môi trường tại các khu vực ô nhiễm, làng nghề, khu sản xuất, chăn nuôi tập trung, những khu vực dự báo có ảnh hưởng chất độc hóa học; các hoạt động thanh tra, kiểm tra, điều tra về quản lý nhà nước về môi trường;

- Tổ chức hoạt động tuyên truyền, phổ biến giáo dục pháp luật về bảo vệ môi trường; thực hiện các nhiệm vụ liên quan đến bảo vệ môi trường trong các chương trình, dự án, đề án;

- Bảo vệ môi trường ngành công thương, bảo vệ môi trường trong các khu công nghiệp; phục vụ điều tra tội phạm môi trường;

- Quản lý, vận hành hệ thống thoát nước và xử lý nước thải đô thị; Chi công tác vệ sinh môi trường và các nhiệm vụ khác có liên quan về bảo vệ môi trường.

k) Quản lý hành chính: Chi hoạt động của các cơ quan quản lý Nhà nước; hoạt động của các cơ quan Đảng cấp thành phố; hoạt động của các tổ chức chính trị - xã hội; các tổ chức xã hội; tổ chức xã hội - nghề nghiệp cấp thành phố theo quy định của pháp luật; thực hiện cuộc vận động Toàn dân đoàn kết xây dựng đời sống văn hóa ở khu dân cư theo Thông tư Liên tịch số 02/2002/SĐTTTL/BTC-MTTW ngày 10/01/2002 của Bộ Tài chính - Ban Thường trực Đoàn Chủ tịch UBTWMTTQ Việt Nam (sau đây viết tắt là Thông tư Liên tịch số 02/2002/SĐTTTL/BTC-MTTW);

l) Quốc phòng: Thực hiện các nhiệm vụ về công tác quốc phòng địa phương theo quy định tại Nghị định số 10/2004/NĐ-CP ngày 07/01/2004 của Chính phủ và

Luật Dân quân tự vệ; thực hiện công tác biên phòng địa phương, thực hiện Luật Biên giới quốc gia và khu vực biên giới biển và các nhiệm vụ khác theo quy định phục vụ công tác quốc phòng địa phương.

m) An ninh: Thực hiện các nhiệm vụ về công tác an ninh trật tự và an toàn xã hội theo quy định tại Nghị định số 10/2004/NĐ-CP ngày 07/01/2004 của Chính phủ; thực hiện công tác phát huy người có uy tín trong đồng bào dân tộc thiểu số theo Chỉ thị 06/2008/CT-TTg ngày 01/02/2008 của Thủ tướng Chính phủ; phòng, chống cướp giết trên địa bàn và các nhiệm vụ khác đảm bảo an ninh trật tự.

n) Chi thường xuyên từ chương trình quốc gia do Chính phủ giao thành phố quản lý.

o) Chi trợ giá theo chính sách của Nhà nước.

p) Các khoản chi khác theo quy định của pháp luật

3. Chi trả nợ gốc, lãi tiền huy động đầu tư theo quy định tại Khoản 3, Điều 8, Luật Ngân sách nhà nước.

4. Chi bổ sung Quỹ dự trữ tài chính của cấp thành phố.

5. Chi bổ sung cho ngân sách cấp dưới.

6. Chi chuyển nguồn ngân sách thành phố năm trước sang năm sau.

Điều 6. Phân cấp nhiệm vụ chi ngân sách quận, huyện

1. Chi đầu tư phát triển

Đầu tư xây dựng các công trình thuộc thẩm quyền quyết định của địa phương theo phân cấp; các mục tiêu theo chủ trương của Thường vụ Thành ủy; xây dựng các công trình từ nguồn nhân dân tự nguyện đóng góp và các khoản chi đầu tư khác theo quy định.

2. Chi thường xuyên

a) Sự nghiệp giáo dục: Giáo dục trung học cơ sở (trừ trường THCS Nguyễn Khuyến), tiểu học (*trừ Trường tiểu học Chuyên biệt tương lai*), mẫu giáo, mầm non.

b) Sự nghiệp đào tạo: Chi hoạt động của Trung tâm Bồi dưỡng chính trị như: triển khai các Nghị quyết, Chỉ thị của trung ương, thành phố, quận huyện, tổ chức bồi dưỡng các lớp đối tượng Đảng, tổ chức mở các lớp bồi dưỡng lý luận chính trị phổ thông theo kế hoạch của Thành ủy.

c) Sự nghiệp y tế: Chi công tác khám chữa bệnh, phòng bệnh của các Trung tâm Y tế; chi lương và chi khác cho các Trạm y tế; chi lương cho cán bộ làm công tác dân số ở phường theo quy định (*trừ quận Cẩm Lệ và huyện Hòa Vang thuộc thành phố quản lý*).

d) Sự nghiệp văn hóa thông tin: Chi hoạt động Trung tâm văn hóa, nhà văn hóa, thư viện; chi hoạt động của Ban chỉ đạo toàn dân đoàn kết xây dựng đời sống văn hóa theo Thông tư Liên tịch số 31/2006/TTLT/BTC-BVHTT; hoạt động của đội thông tin lưu động và các hoạt động văn hóa - thông tin; tổ chức các Lễ hội hằng năm theo chủ trương của thành phố.

đ) Sự nghiệp truyền thanh: Hoạt động của Đài Truyền thanh quận, huyện; chi hoạt động của Trạm thu phát lại truyền hình Hoà Bắc.

e) Sự nghiệp thể dục thể thao: Công tác bồi dưỡng, tập huấn, tổ chức các giải thi đấu thể dục thể thao và các hoạt động thể dục thể thao khác trên địa bàn quận huyện.

g) Sự nghiệp khoa học công nghệ: Chi hỗ trợ đề tài và chương trình dự án cấp cơ sở; tập huấn về công tác đo lường chất lượng; kiểm tra đo lường chất lượng.

h) Sự nghiệp đảm bảo xã hội: Chi thực hiện chính sách bảo trợ xã hội theo quy định hiện hành; thực hiện chế độ trợ cấp hàng tháng cho cán bộ phùng, xã nghi việc theo Quyết định số 130/CP ngày 20/6/1975 của Hội đồng Chính phủ, Quyết định số 111/HĐBT ngày 13/10/1981 của Hội đồng Bộ trưởng; hỗ trợ sửa chữa nhà cho các đối tượng chính sách; mai táng phí cho các đối tượng theo phân cấp; thăm hỏi gia đình thuộc diện chính sách nhân ngày lễ, tết; phòng chống các tệ nạn xã hội và các hoạt động xã hội khác do cấp quận, huyện thực hiện; phối hợp thực hiện chương trình thành phố “5 không, 3 có”.

i) Sự nghiệp kinh tế:

- Sự nghiệp nông nghiệp, ngư nghiệp, lâm nghiệp, thủy lợi: Chi cho công tác chống hạn cục bộ; xây dựng các mô hình sản xuất nhỏ; tập huấn nghiệp vụ khuyến nông, lâm, ngư; hỗ trợ giống cây trồng, con vật nuôi; phối hợp trong công tác truy quét, bảo vệ và phòng, chống cháy rừng và một số công việc khác thuộc cấp quận, huyện quản lý; thực hiện chính sách miễn thu thủy lợi phí cho nông dân;

- Sự nghiệp giao thông công chính và kiến thiết thị chính: Quản lý, bảo trì hệ thống đường huyện; đường đô thị có bề rộng mặt đường từ 7,5m trở xuống. Duy tu, bảo dưỡng hệ thống đường, mương cống thoát nước, điện chiếu sáng các đường kiệt, hẻm, liên xã, các công trình phúc lợi công cộng và thực hiện các sự nghiệp thị chính khác do cấp quận, huyện quản lý;

- Sự nghiệp tài nguyên: xử lý thông tin và lưu trữ hồ sơ địa chính; chỉnh lý biên động đất đai, thống kê hiện trạng sử dụng đất hàng năm (nếu có); tuyên truyền phổ biến pháp luật về tài nguyên khoáng sản; quản lý và bảo vệ tài nguyên khoáng sản;

- Sự nghiệp kinh tế khác: quản lý chợ thuộc quận, huyện; xây dựng đề án phát triển thương mại dịch vụ, du lịch, tiểu thủ công nghiệp và các hoạt động kinh tế khác.

k) Sự nghiệp môi trường: Quan trắc và phân tích môi trường các hồ trên địa bàn theo phân cấp; điều tra đánh giá tình hình môi trường trên địa bàn và tại các cơ sở sản xuất, kinh doanh, dịch vụ theo phân cấp; tổ chức đăng ký và kiểm tra việc thực hiện cam kết bảo vệ môi trường; tuyên truyền, giáo dục pháp luật về bảo vệ môi trường, khen thưởng về bảo vệ môi trường và các nhiệm vụ khác liên quan đến bảo vệ môi trường theo phân cấp.

l) Quản lý hành chính: Chi hoạt động của các cơ quan nhà nước; hoạt động của các cơ quan Đảng ở quận, huyện; hoạt động của 5 (năm) tổ chức chính trị xã hội cấp quận huyện; các tổ chức xã hội, tổ chức xã hội - nghề nghiệp cấp quận, huyện theo quy định; chi thực hiện cuộc vận động Toàn dân đoàn kết xây dựng đời sống văn hóa ở khu dân cư theo Thông tư Liên tịch số 02/2002/SĐTTTLT/BTC-MTTW; phổ biến, giáo dục pháp luật; các khoản phụ cấp theo quy định; một số hoạt động của ngành.

m) Quốc phòng: Thực hiện các nhiệm vụ về công tác quốc phòng địa phương theo quy định tại Nghị định số 10/2004/NĐ-CP ngày 07/01/2004 của Chính phủ và Luật Dân quân tự vệ; *hỗ trợ kinh phí phối hợp thực hiện các nhiệm vụ về quốc phòng khác tại địa phương.*

n) An ninh: Thực hiện các nhiệm vụ về công tác an ninh trật tự và an toàn xã hội theo quy định tại Nghị định số 10/2004/NĐ-CP ngày 07/01/2004 của Chính phủ; *phối hợp thực hiện các nhiệm vụ về an ninh khác tại địa phương.*

o) Các khoản chi khác theo quy định của pháp luật

3. Chi bổ sung cho ngân sách phường, xã.

4. Chi chuyển nguồn năm trước sang năm sau.

Điều 7. Phân cấp Nhiệm vụ chi ngân sách phường, xã

1. Chi đầu tư phát triển.

Đầu tư xây dựng các công trình xây dựng cơ bản thuộc xã quản lý.

2. Chi thường xuyên

a) Sự nghiệp giáo dục: Chi hỗ trợ các hoạt động giáo dục trên địa bàn; chi hoạt động của Trung tâm học tập cộng đồng tại phường, xã theo quy định;

b) Sự nghiệp y tế: Chi hoạt động của Trạm y tế phường (*trừ Trạm y tế thuộc quận Cẩm Lệ và huyện Hòa Vang thuộc thành phố quản lý*).

c) Sự nghiệp văn hóa thông tin: Chi tổ chức các hoạt động văn hóa thông tin, tuyên truyền giáo dục pháp luật về văn hóa ở cơ sở; quản lý khu vui chơi phường, xã; chi hoạt động của Ban chỉ đạo toàn dân đoàn kết xây dựng đời sống văn hóa theo Thông tư Liên tịch số 31/2006/TTLT/BTC-BVHTT;

d) Sự nghiệp thể dục thể thao: Chi tổ chức các hoạt động thể dục thể thao do phường, xã quản lý.

đ) Sự nghiệp truyền thanh: Chi hoạt động của Trạm truyền thanh cơ sở, duy tu bảo dưỡng máy móc.

e) Sự nghiệp đảm bảo xã hội: Hỗ trợ mai táng phí cho các đối tượng theo phân cấp, các hoạt động xã hội do phường, xã quản lý.

g) Sự nghiệp kinh tế:

- Sự nghiệp nông nghiệp, ngư nghiệp, lâm nghiệp, thủy lợi: Hỗ trợ khuyến ngư, khuyến nông, khuyến lâm; phối hợp tổ chức truy quét lâm tặc, bảo vệ phòng chống cháy rừng;

- Sự nghiệp giao thông công chính và kiến thiết thị chính: Duy tu, bảo dưỡng mương cống thoát nước, điện chiếu sáng và đường giao thông trong các kiệt, hẻm; đường giao thông nông thôn; sửa chữa vỉa hè, công viên; sửa chữa, cải tạo các công trình phúc lợi như: trạm y tế, nhà trẻ, lớp mẫu giáo, nhà văn hóa, thư viện, đài tưởng niệm, cơ sở thể dục thể thao thuộc phường, xã quản lý;

- Sự nghiệp tài nguyên: Lưu trữ hồ sơ địa chính, tuyên truyền phổ biến pháp luật về tài nguyên khoáng sản; phối hợp bảo vệ tài nguyên;

- Sự nghiệp kinh tế khác: Quản lý, duy tu và sửa chữa nhỏ các chợ thuộc phường, xã.

h) Sự nghiệp môi trường: Tổ chức ra quân vệ sinh môi trường tại các khu dân cư trên phạm vi cấp phường, xã quản lý; hỗ trợ cộng đồng, đoàn thể thành lập các tổ chức tự quản về môi trường trong khu dân cư, xây dựng các hương ước, cam kết bảo vệ môi trường; kiểm tra việc bảo vệ môi trường hộ gia đình, cá nhân, kiểm tra thực hiện cam kết bảo vệ môi trường, tổ chức tuyên truyền, vận động, hòa giải các tranh chấp về môi trường, xây dựng các quy định về hoạt động tự quản về môi trường và các hoạt động khác liên quan đến bảo vệ môi trường theo phân cấp.

i) Quản lý hành chính: Chi hoạt động của các cơ quan nhà nước; hoạt động của cơ quan Đảng; hoạt động của 5 tổ chức chính trị - xã hội ở phường, xã; chi hỗ trợ cho các tổ chức xã hội; tổ chức xã hội - nghề nghiệp ở phường, xã theo quy định của pháp luật; thực hiện cuộc vận động Toàn dân đoàn kết xây dựng đời sống văn hóa ở khu dân cư theo Thông tư liên tịch số 02/2002/SĐTTTLT/BTC-MTTW; tổ chức lấy phiếu tín nhiệm đối với các chức danh Chủ tịch Hội đồng nhân dân và Ủy ban nhân dân xã; phổ biến, giáo dục pháp luật; thực hiện mô hình "một cửa liên thông" tại xã, phường; phụ cấp theo đơn vị hành chính cho cán bộ công chức phường, xã và cán bộ không chuyên trách phường, xã; phụ cấp cho cán bộ công chức làm việc tại bộ phận tiếp nhận và trả hồ sơ tại phường, xã; phụ cấp trách nhiệm cho cấp uỷ viên Đảng bộ các cấp; hoạt động hè cho Đoàn TNCS HCM; hoạt động các Ban: Ban vì sự tiến bộ phụ nữ, Ban xóa đói giảm nghèo, Ban Thanh tra nhân dân; hoạt động giám sát đầu tư cộng đồng; một số hoạt động khác như: trợ giúp pháp lý, tủ sách pháp luật phường xã, theo dõi tình hình thi hành pháp luật, tham gia giải quyết khiếu nại tố cáo của công dân, thực hiện Luật phòng chống bạo lực gia đình...

k) Quốc phòng: Thực hiện các nhiệm vụ về công tác quốc phòng địa phương theo quy định tại Nghị định số 10/2004/NĐ-CP ngày 07/01/2004 của Chính phủ và Luật Dân quân tự vệ.

l) An ninh: Thực hiện các nhiệm vụ về công tác an ninh trật tự và an toàn xã hội theo quy định tại Nghị định số 10/2004/NĐ-CP ngày 07/01/2004 của Chính phủ; thực hiện Pháp lệnh Công an xã và Nghị định số 73/2009/NĐ-CP ngày 07/9/2009 quy định chi tiết thi hành một số điều của Pháp lệnh Công an xã; Chi hoạt động tuần tra ban đêm phòng chống tội phạm, giữ gìn an ninh trật tự; phụ cấp hàng tháng và trang phục cho Ban bảo vệ dân phố; thực hiện thí điểm lực lượng dân quân thường trực.

m) Các khoản chi khác theo quy định của pháp luật.

3. Chi chuyển nguồn năm trước sang năm sau.

Chương III

ĐỊNH MỨC PHÂN BỐ DỰ TOÁN CHI NGÂN SÁCH ĐỊA PHƯƠNG VÀ TỶ LỆ PHẦN TRĂM (%) PHÂN CHIA CÁC KHOẢN THU PHÂN CHIA GIỮA CÁC CẤP NGÂN SÁCH ĐỊA PHƯƠNG.

Điều 8. Phân vùng đối với quận, huyện, phường, xã

1. Phân vùng đối với quận, huyện

- Vùng 1 gồm các quận: Hải Châu, Thanh Khê.
- Vùng 2 gồm các quận: Sơn Trà, Liên Chiểu, Cẩm Lệ.
- Vùng 3 gồm: quận Ngũ Hành Sơn và huyện Hòa Vang.
- Vùng 4: huyện đảo Hoàng Sa.

2. Phân vùng đối với phường, xã

- Vùng 1, gồm 16 phường: Hải Châu 1, Hải Châu 2, Phước Ninh, Hòa Thuận Đông, Nam Dương, Thanh Bình, Thạch Thang (thuộc quận Hải Châu); An Khê, Tân Chính, Xuân Hà, Hòa Khê, Thạch Gián, Vĩnh Trung, Chính Gián, Thanh Khê Đông (thuộc quận Thanh Khê); An Hải Bắc (thuộc quận Sơn Trà)

- Vùng 2, gồm 16 phường, xã: Thuận Phước, Bình Thuận, Bình Hiên, Hòa Cường Bắc, Hòa Cường Nam (thuộc quận Hải Châu); Thanh Khê Tây, Tam Thuận (thuộc quận Thanh Khê); An Hải Đông, An Hải Tây, Phước Mỹ, Thọ Quang (thuộc quận Sơn Trà); Hòa Khánh Bắc, Hòa Minh (thuộc quận Liên Chiểu), Khuê Trung, Hòa An, Hòa Thọ Đông (thuộc quận Cẩm Lệ).

- Vùng 3, gồm 20 phường, xã: Hòa Thuận Tây (thuộc quận Hải Châu); Mân Thái, Nại Hiên Đông (thuộc quận Sơn Trà); Hòa Quý, Khuê Mỹ, Hòa Hải, Mỹ An (thuộc quận Ngũ Hành Sơn); Hòa Hiệp Bắc, Hòa Hiệp Nam, Hòa Khánh Nam (thuộc quận Liên Chiểu); Hòa Thọ Tây, Hòa Xuân, Hòa Phát (thuộc quận Cẩm Lệ); Hòa Châu, Hòa Phước, Hòa Tiến, Hòa Khương, Hòa Nhơn, Hòa Phong, Hòa Sơn (thuộc huyện Hòa Vang).

- Vùng 4, gồm 4 xã: Hòa Bắc, Hòa Ninh, Hòa Phú, Hòa Liên.

Điều 9. Định mức phân bổ dự toán chi ngân sách địa phương

1. Định mức phân bổ dự toán chi đầu tư phát triển.

a) Nguồn vốn xây dựng cơ bản tập trung.

Dự kiến phân bổ vốn xây dựng cơ bản tập trung (không kể tiền sử dụng đất và nguồn vốn huy động) bằng dự toán trung ương giao hằng năm và phân bổ cho các cấp ngân sách theo quy định của thành phố.

b) Nguồn tiền sử dụng đất.

Mức phân bổ tùy thuộc vào khả năng thu tiền sử dụng đất hàng năm để bố trí cho các công trình đầu tư xây dựng cơ sở hạ tầng và các công trình quan trọng khác của thành phố.

2. Định mức phân bổ dự toán chi thường xuyên.

2.1. Định mức phân bổ chi sự nghiệp giáo dục:

Định mức phân bổ theo dân số trong độ tuổi đến trường từ 1 - 18 tuổi (bảo đảm tỷ lệ chi tiền lương, các khoản có tính chất lương, các khoản đóng góp tối đa 80%, chi thực hiện nhiệm vụ giáo dục tối thiểu 20%) là 2.357.252 đồng/người dân/năm, thực hiện cho năm đầu thời kỳ ổn định.

a) Ngân sách cấp thành phố: 472.273 đồng/người dân/năm.

Định mức trên đã đảm bảo: tỷ lệ chi tiền lương, các khoản có tính chất lương, các khoản đóng góp tối đa 80%, chi thực hiện nhiệm vụ giáo dục tối thiểu 20% (trong đó phân bổ tối đa 02% (hai phần trăm) cho các nhiệm vụ thực hiện tập trung của ngành như: thi học sinh giỏi các cấp học; thi giáo viên giỏi bậc mầm non, tiểu học; thi tốt nghiệp trung học phổ thông, tuyển sinh vào lớp 10 không chuyên và các hoạt động sự nghiệp giáo dục khác); và đã bao gồm các chế độ học bổng cho học sinh dân tộc nội trú, bán trú theo chế độ quy định; học bổng học sinh khuyết tật.

- Định mức phân bổ ngoài tiêu chí dân số.

+ Kinh phí thực hiện Đề án nâng cao chất lượng dạy và học của Trường trung học phổ thông chuyên Lê Quý Đôn theo Quyết định số 03/2005/QĐ-UB ngày 10/01/2005 của UBND thành phố Đà Nẵng về ban hành quy chế tổ chức và hoạt động của trường THPT chuyên Lê Quý Đôn;

+ Miễn giảm học phí cho học sinh là con em trong hộ nghèo theo Quyết định số 09/2009/QĐ-UB ngày 25/02/2009 của UBND thành phố.

+ Hỗ trợ học phí đối với con của các hộ nông dân thuộc diện thu hồi đất sản xuất theo Quyết định số 65/2005/QĐ-UB ngày 24/5/2005 của UBND thành phố.

+ Hỗ trợ chi phí học tập cho học sinh theo Nghị định 49/2010/NĐ-CP ngày 14/5/2010 của Chính phủ.

+ Thực hiện đề án Phổ cập giáo dục mầm non cho trẻ em 5 tuổi giai đoạn 2010-2015 theo Quyết định 239/QĐ-TTg ngày 09/02/2010 của Thủ tướng Chính phủ.

b) Ngân sách cấp quận, huyện: 1.877.050 đồng/người dân/năm (bảo đảm tỷ lệ chi tiền lương, phụ cấp, các khoản có tính chất lương tối đa 80%, chi thực hiện nhiệm vụ giáo dục tối thiểu 20%).

Đối với huyện Hòa Vang được phân bổ thêm để thực hiện các chế độ học bổng cho học sinh dân tộc nội trú, phụ cấp cho giáo viên mầm non các xã miền núi.

c) Ngân sách cấp phường, xã: 7.929 đồng/người dân/năm, tương ứng với mức bình quân là 39.300.000 đồng/phường, xã/năm. Trong đó phân bổ cho Trung tâm học tập cộng đồng tại phường, xã là 20.000.000 đồng/trung tâm/năm; số còn lại là 19.300.000 đồng/phường, xã/năm được phân bổ cho các địa phương theo hệ số vùng để thực hiện hỗ trợ các hoạt động giáo dục trên địa bàn. Cụ thể như sau:

Đơn vị: đồng/phường, xã/năm

Vùng	Hệ số	Định mức phân bổ
Vùng 1	0,9	37.370.000
Vùng 2	1,0	39.300.000
Vùng 3	1,1	41.230.000
Vùng 4	1,2	43.160.000

2.2. Định mức phân bổ chi sự nghiệp đào tạo và dạy nghề: Phân bổ theo dân số trên 18 tuổi là 94.663 đồng/người dân/năm.

a) Ngân sách cấp thành phố: 88.518 đồng/người dân/năm, phân bổ cho các loại hình đào tạo như sau:

+ Đào tạo chính quy hệ cao đẳng, trung cấp theo chỉ tiêu học sinh, cụ thể:

Đơn vị: đồng/họcviên/năm

STT	Đơn vị	Định mức phân bổ
1	Trung tâm Đào tạo Huấn luyện vận động viên	10.118.000
2	Trường Cao đẳng nghề - Hệ cao đẳng nghề - Hệ trung cấp nghề	7.029.000 5.471.000
3	Trường Văn hóa nghệ thuật - Văn hóa quần chúng - Văn hóa nghệ thuật	7.219.000 11.292.000
4	Trường chính trị	8.420.000

+ Đào tạo nghề theo chủ trương của thành phố và trung ương.

+ Đào tạo lại, bồi dưỡng, nâng cao trình độ theo kế hoạch của Thành ủy, UBND thành phố.

+ Thực hiện chế độ dinh dưỡng cho huấn luyện viên và vận động viên theo quy định của thành phố; phụ cấp ngoài lương cho huấn luyện viên, vận động viên đạt thành tích cấp quốc gia và quốc tế.

- Định mức phân bổ ngoài tiêu chí dân số: Thực hiện các đề án, dự án, nhiệm vụ theo phê duyệt của UBND thành phố, gồm:

+ Trung tâm Phát triển nguồn nhân lực chất lượng cao: được phân bổ cụ thể:

. Chi lương, các khoản có tính chất lương, các khoản đóng góp theo định biên được giao.

. Chi hành chính theo định mức 18.000.000 đồng/biên chế/năm.

+ Hỗ trợ đào tạo, phát triển nguồn nhân lực chất lượng cao thành phố Đà Nẵng.

b) Ngân sách cấp quận, huyện:

Định mức theo tiêu chí dân số 6.144 đồng/người dân/năm, được phân bổ cho Trung tâm Bồi dưỡng chính trị để hoạt động bộ máy theo định biên và thực hiện các nhiệm vụ được giao, gồm:

- Chi tiền lương, các khoản có tính chất lương, các khoản đóng góp theo định biên giao.

- Chi hành chính là 18.000.000 đồng/biên chế/năm.

- Kinh phí thực hiện nhiệm vụ đào tạo, bồi dưỡng theo Quyết định 185-QĐ/TW ngày 03/9/2008 của Ban Bí thư : 150.000.000đồng/Trung tâm/năm.

2.3. Định mức phân bổ chi sự nghiệp y tế:

2.3.1. Định mức phân bổ theo tiêu chí dân số: 223.973 đồng/người dân/năm

a) Ngân sách cấp thành phố: 154.886 đồng/người dân/năm, phân bổ như sau:

- Công tác khám, chữa bệnh: Định mức phân bổ 107.306 đồng/người dân/năm, phân bổ cho các Bệnh viện theo chỉ tiêu giường bệnh được giao và có tính hệ số trên cơ sở tính chất và quy mô của từng bệnh viện, cụ thể như sau:

+ Hệ số 1 bao gồm: Bệnh viện Y học cổ truyền, Bệnh viện Da liễu, Bệnh viện Lao, Bệnh viện Điều dưỡng, Bệnh viện Mắt mức 48.000.000 đồng/giường bệnh/năm.

+ Hệ số 1,1: Trung tâm Y tế quận Cẩm Lệ mức 52.000.000 đồng/giường bệnh/năm.

+ Hệ số 1,2 bao gồm: Bệnh viện Đà Nẵng, Bệnh viện Tâm thần mức 56.000.000 đồng/giường bệnh/năm.

- Công tác phòng bệnh: Định mức phân bổ 41.435 đồng/người dân/năm. Phân bổ dự toán chi hoạt động thường xuyên cho các đơn vị làm công tác dự phòng theo định mức chi sự nghiệp trên tổng số lao động, định biên được giao; chi hoạt động chuyên môn của công tác y tế dự phòng.

- Hoạt động của Trạm y tế phường, xã thuộc quận Cẩm Lệ và huyện Hòa Vang: đảm bảo chi tiền lương, phụ cấp và các khoản có tính chất lương và các khoản chi khác của Trạm y tế phường, xã.

b) Ngân sách cấp quận, huyện: 67.610 đồng/người dân/năm, phân bổ như sau:

- Chi cho công tác khám, chữa bệnh: định mức phân bổ theo tiêu chí dân số 42.602 đồng/người dân/năm. Phân bổ cho các Trung tâm Y tế (Hải Châu, Thanh Khê, Sơn Trà, Liên Chiểu và Ngũ Hành Sơn) 52.000.000 đồng/giường bệnh/năm.

- Chi cho công tác phòng bệnh: định mức phân bổ theo tiêu chí dân số 9.590 đồng/người dân/năm.

- Chi hoạt động bộ máy của Trạm y tế phường (bao gồm cán bộ làm công tác dân số tại các phường): 15.418 đồng/người dân/năm, đã bao gồm tiền lương, phụ cấp, các khoản có tính chất lương và các khoản chi khác.

c) Ngân sách cấp phường, xã: Chi hoạt động của Trạm y tế với định mức phân bổ 1.915 đồng/người dân/năm, tương ứng 19.000.000 đồng/ phường, xã/năm.

2.3.2. Một số nhiệm vụ chi ngoài tiêu chí dân số:

a) Kinh phí hoạt động của Ban Bảo vệ chăm sóc sức khỏe cán bộ và hoạt động công tác dân số, được phân bổ:

- Chi lương, các khoản có tính chất lương, các khoản đóng góp tính theo định biên được giao.

- Kinh phí hoạt động theo định mức 18.000.000 đồng/biên chế/năm.

- Kinh phí thực hiện nhiệm vụ chuyên môn.

b) Kinh phí mua thẻ bảo hiểm y tế cho trẻ em dưới 6 tuổi, người nghèo, đồng bào dân tộc thiểu số với mệnh giá theo quy định.

c) Đối với chế độ bảo hiểm y tế cận nghèo, học sinh, sinh viên,... căn cứ vào đối tượng tham gia bảo hiểm y tế, ngân sách nhà nước thực hiện hỗ trợ hàng năm theo chế độ quy định.

d) Kinh phí để thực hiện mua sắm, sửa chữa trang thiết bị để nâng cao chất lượng khám, chữa bệnh cho khối thành phố và quận, huyện phân bổ theo khả năng của ngân sách.

đ) Phụ cấp ưu đãi đối với bác sĩ công tác tại các trạm y tế phường, xã theo Quyết định số 25/2009/QĐ-UBND ngày 16/10/2009 của UBND thành phố.

2.4. Định mức phân bổ chi sự nghiệp văn hóa - thông tin:

2.4.1. Định mức phân bổ theo tiêu chí dân số: 26.165 đồng/người dân/năm.

a) Ngân sách cấp thành phố: 16.931 đồng/người dân/năm, đã bao gồm:

- Chi tiền lương, các khoản có tính chất lương, các khoản đóng góp tính theo quy định hiện hành trên định biên được giao.

- Kinh phí chi hành chính theo định mức 18.000.000 đồng/biên chế/năm.

- Kinh phí cho công tác chuyên môn của ngành.

b) Ngân sách cấp quận, huyện: 7.129 đồng/người dân/năm, phân bổ như sau:

Đơn vị: đồng/người dân/năm

Vùng	Hệ số	Định mức phân bổ
Vùng 1	0,9	6.416
Vùng 2	1,0	7.129
Vùng 3	1,1	7.842

Định mức trên đã bao gồm:

+ Chi tiền lương, các khoản có tính chất lương, các khoản đóng góp tính theo quy định hiện hành trên định biên được giao.

+ Kinh phí chi hành chính theo định mức 18.000.000 đồng/biên chế/năm.

+ Kinh phí hoạt động nghiệp vụ của ngành.

c) Ngân sách cấp phường, xã: 2.104 đồng/người dân/năm, phân bổ như sau:

Đơn vị: đồng/người dân/năm

Vùng	Hệ số	Định mức phân bổ
Vùng 1	0,9	1.804
Vùng 2	1,0	2.004
Vùng 3	1,1	2.204
Vùng 4	1,2	2.405

2.4.2. Một số nhiệm vụ chi ngoài tiêu chí dân số:

- Hỗ trợ hoạt động cho đoàn nghệ thuật chuyên nghiệp.
- Kinh phí thực hiện các nhiệm vụ phát sinh theo chủ trương của thành phố.

2.5. Định mức phân bổ chi sự nghiệp thể dục thể thao:

2.5.1. Định mức phân bổ theo tiêu chí dân số: 18.360 đồng/người dân/năm

a) Ngân sách cấp thành phố: 8.199 đồng/người dân/năm, đã bao gồm:

- + Chi tiền lương, các khoản có tính chất lương, các khoản đóng góp theo định biên được giao.
- + Kinh phí hoạt động theo định mức 18.000.000 đồng/biên chế/năm.
- + Kinh phí cho công tác chuyên môn: tổ chức và tham gia các giải thể thao, các hoạt động phong trào,...

b) Ngân sách cấp quận, huyện: 6.414 đồng/người dân/năm, phân bổ như sau:

Đơn vị: đồng/người dân/năm

Vùng	Hệ số	Định mức phân bổ
Vùng 1	0,9	5.773
Vùng 2	1,0	6.414
Vùng 3	1,1	7.055

c) Ngân sách cấp phường, xã: 3.747 đồng/người dân/năm, phân bổ như sau:

Đơn vị: đồng/người dân/năm

Vùng	Hệ số	Định mức phân bổ
Vùng 1	0,9	3.212
Vùng 2	1,0	3.569
Vùng 3	1,1	3.926
Vùng 4	1,2	4.283

2.5.2. Một số nhiệm vụ chi ngoài tiêu chí dân số:

Kinh phí thưởng vận động viên, huấn luyện viên đạt thành tích thực hiện phân bổ theo Quyết định của UBND thành phố.

2.6. Định mức phân bổ chi sự nghiệp phát thanh truyền hình: 13.928 đồng/người dân/năm

a) Ngân sách cấp thành phố: 9.860 đồng/người dân/năm, đã bao gồm:

- Chi tiền lương, các khoản có tính chất lương, các khoản đóng góp tính theo quy định hiện hành trên định biên được giao.
- Kinh phí hoạt động theo định mức 18.000.000 đồng/biên chế/năm.

b) Ngân sách cấp quận, huyện: 2.700 đồng/người dân/năm, phân bổ cho các Đài truyền thanh quận (*Sơn Trà, Liên Chiểu, Ngũ Hành Sơn, Cẩm Lệ, Hòa Vang*) theo hệ số là 1,67 tương ứng với mức bình quân 466.000.000 đồng/đài/năm như sau:

Đơn vị: đồng/đài truyền thanh/năm

Vùng	Hệ số	Định mức phân bổ
Vùng 2	1,0	466.000.000
Vùng 3	1,2	559.000.000

Định mức trên đã bao gồm: tiền lương, các khoản có tính chất lương, các khoản đóng góp tính theo quy định hiện hành trên định biên được giao; chi hành chính theo định mức 18.000.000 đồng/biên chế/năm và thực hiện nhiệm vụ của ngành.

- Đối với huyện Hòa Vang được phân bổ thêm để đảm bảo kinh phí hoạt động của Trạm phát lại truyền hình Hòa Bắc.

c) Ngân sách cấp phường, xã: 1.368 đồng/người dân/năm, tương ứng mức 22.804.000 đồng/phường, xã, phân bổ như sau:

Đơn vị: đồng/phường, xã/năm

Vùng	Hệ số	Định mức 2011
Vùng 1	0,9	19.092.000
Vùng 2	1,0	21.213.000
Vùng 3	1,1	23.334.000
Vùng 4	1,2	25.457.000

2.7. Định mức phân bổ chi sự nghiệp khoa học và công nghệ:

Phân bổ bằng dự toán trung ương giao và phân bổ đảm bảo chi hoạt động của bộ máy các đơn vị sự nghiệp (bao gồm: tiền lương, các khoản có tính chất lương, các khoản đóng góp tính theo quy định hiện hành trên định biên được giao và chi hành chính theo định mức 18.000.000 đồng/biên chế/năm); đảm bảo phù hợp với nhiệm vụ chi sự nghiệp khoa học và công nghệ theo đề án được thành phố phê duyệt.

2.8. Định mức phân bổ chi sự nghiệp đảm bảo xã hội:

2.8.1. Định mức phân bổ theo tiêu chí dân số: 32.844 đồng/người dân/năm.

a) Ngân sách cấp thành phố: 24.839 đồng/người dân/năm, đã bao gồm:

- Chi tiền lương, các khoản có tính chất lương, các khoản đóng góp tính theo quy định hiện hành trên định biên được giao.

- Kinh phí hoạt động theo định mức 18.000.000 đồng/biên chế/năm.

+Kinh phí hoạt động thường xuyên để thực hiện nhiệm vụ của ngành; thực hiện các chế độ, chính sách theo quy định hiện hành cho các đối tượng chính sách, xã hội; thực hiện các chương trình, đề án được giao.

b) Ngân sách cấp quận, huyện: 3.807 đồng/người dân/năm, phân bổ như sau:

Đơn vị: đồng/người dân/năm

Vùng	Hệ số	Định mức phân bổ
Vùng 1	0,9	3.427
Vùng 2	1,0	3.807
Vùng 3	1,1	4.188

+Đối với thôn Hòa Vân thuộc phường Hòa Hiệp Bắc, quận Liên Chiểu hỗ trợ các khoản chi khác 100.000.000 đồng/năm.

c) Ngân sách cấp phường, xã: 4.198 đồng/người dân/năm, tương ứng mức bình quân

70.000.000 đồng/phường, xã/năm, phân bổ như sau:

Đơn vị: đồng/phường, xã/năm

Vùng	Hệ số	Định mức phân bổ
Vùng 1	0,9	60.000.000
Vùng 2	1,0	66.667.000
Vùng 3	1,1	73.337.000
Vùng 4	1,2	80.000.000

2.8.2. Một số nhiệm vụ chi ngoài tiêu chí dân số.

- a) Kinh phí thực hiện Nghị định 67/2007/NĐ-CP và Nghị định 13/2010/NĐ-CP của Chính phủ về chính sách trợ giúp các đối tượng bảo trợ xã hội.
- b) Kinh phí thăm hỏi, động viên các đối tượng vào ngày lễ, tết; ngày 27/7.
- c) Bổ sung kinh phí để thực hiện đề án cho vay giải quyết việc làm.
- d) Kinh phí Bảo hiểm thất nghiệp theo quy định tại Nghị định số 127/2008/NĐ-CP ngày 12/12/2008 của Chính phủ, Thông tư số 96/2009/TT-BTC ngày 20/5/2009 của Bộ Tài chính (phần 1% ngân sách hỗ trợ).
- đ) Hỗ trợ sửa chữa nhà cho đối tượng chính sách.
- e) Kinh phí thực hiện các chương trình, đề án được duyệt theo chủ trương của thành phố.

2.9. Định mức phân bổ chi quản lý hành chính:

Đơn vị: đồng/biên chế/năm

Sở, Ban, ngành, cơ quan Đảng, Hội đoàn thể, các địa phương	Định mức phân bổ
I. Cấp thành phố	
1. Cơ quan QLNN:	
- Biên chế hành chính	25.000.000
- Biên chế hành chính cơ quan tổng hợp: Văn phòng HĐND, Văn phòng UBND thành phố, Sở Kế hoạch và Đầu tư, Sở Tài chính, Văn phòng Sở Nội vụ	30.000.000
- Sinh viên khá giỏi	15.000.000
2. Cơ quan Đảng:	
- Biên chế hành chính	43.000.000
- Sinh viên khá giỏi	15.000.000
II. Cấp quận, huyện	
1. Cơ quan QLNN	20.000.000
2. Cơ quan Đảng:	29.000.000
3. Sinh viên khá giỏi	15.000.000
III. Cấp phường xã	
1. Cán bộ chuyên trách và công chức phường, xã	15.000.000
2. Cán bộ không chuyên trách phường, xã	5.000.000

Định mức phân bổ trên đã bao gồm:

(1) Các khoản chi phục vụ hoạt động thường xuyên bộ máy các cơ quan (đã bao gồm tiền thưởng theo chế độ, phúc lợi tập thể, thông tin liên lạc, công tác phí, hội nghị phí, văn phòng phẩm, điện nước, xăng dầu,...).

(2) Các khoản chi nghiệp vụ mang tính thường xuyên phát sinh hàng năm (đã bao gồm chi tập huấn bồi dưỡng nghiệp vụ chuyên môn; chi quản lý ngành, lĩnh vực; chi thực hiện chỉ đạo, kiểm tra; chi cho công tác tuyên truyền phổ biến giáo dục pháp luật; xây dựng, hoàn thiện, rà soát văn bản quy phạm pháp luật,...).

(3) Các khoản kinh phí mua sắm công cụ, dụng cụ; kinh phí sửa chữa thường xuyên tài sản.

Định mức phân bổ trên không bao gồm: tiền lương, các khoản có tính chất lương, các khoản đóng góp theo lương.

2.9.1. Đối với cơ quan hành chính:

a) Chi tiền lương, các khoản có tính chất lương, các khoản đóng góp (bảo hiểm xã hội, bảo hiểm y tế, kinh phí công đoàn,...) tính theo quy định hiện hành và biên chế được giao.

b) Định mức phân bổ chi hành chính theo biên chế: tương ứng theo từng cấp như quy định tại khoản 2.9 nêu trên.

c) Một số nhiệm vụ chi mang tính chất đặc thù:

- Ngân sách cấp thành phố:

+ Phụ cấp, sinh hoạt phí đại biểu HĐND cấp thành phố theo quy định;

+ Kinh phí thực hiện mục tiêu cụ thể được giao và các chính sách đặc thù theo phê duyệt của UBND thành phố và khả năng cân đối ngân sách (*bao gồm kinh phí thực hiện chính sách thu hút nhân tài*).

- Ngân sách cấp quận, huyện: Ngoài nhiệm vụ thực hiện theo định mức phân bổ, một số nhiệm vụ mang tính chất đặc thù được thực hiện theo các mức phân bổ chi tiết tại phụ lục I.

- Ngân sách cấp phường, xã: Ngoài nhiệm vụ thực hiện theo định mức phân bổ, một số nhiệm vụ mang tính chất đặc thù được thực hiện theo các mức phân bổ chi tiết tại phụ lục II.

2.9.2. Đối với cơ quan Đảng:

a) Chi tiền lương, các khoản có tính chất lương, các khoản đóng góp (bảo hiểm xã hội, bảo hiểm y tế, kinh phí công đoàn,...) tính theo quy định hiện hành và định biên được giao.

b) Định mức phân bổ chi hành chính theo biên chế: tương ứng theo từng cấp như quy định tại khoản 2.9 nêu trên.

c) Một số nhiệm vụ chi mang tính chất đặc thù:

- Hỗ trợ kinh phí hoạt động công tác đảng của tổ chức Đảng các cấp theo Quyết định số 84-QĐ ngày 01/10/2003 của Ban bí thư Trung ương Đảng.

- Phụ cấp trách nhiệm cho cấp uỷ viên Đảng bộ các cấp theo Quyết định 169-QĐ/TW ngày 24/6/2008 của Ban bí thư Trung ương Đảng.

- Kinh phí đảm bảo một số chế độ chi tiêu hoạt động của các cơ quan đảng cấp thành phố theo Quyết định số 9815-QĐ/TU ngày 02/10/2009 của Thành uỷ Đà Nẵng,

của các quận, huyện uỷ và các đảng uỷ khối theo Quyết định số 9816-QĐ/TU ngày 02/10/2009 của Thành uỷ Đà Nẵng.

- Các khoản chi đặc thù khác theo quyết định của Thường trực Thành uỷ.

2.9.3. Đối với tổ chức chính trị - xã hội (Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam, Đoàn Thanh niên cộng sản Hồ Chí Minh, Hội Liên hiệp Phụ nữ, Hội Nông dân, Hội Cựu chiến binh):

a) Chi tiền lương, các khoản có tính chất lương, các khoản đóng góp (bảo hiểm xã hội, bảo hiểm y tế, kinh phí công đoàn,...) tính theo quy định hiện hành và biên chế được giao.

b) Định mức phân bổ chi hành chính bằng định mức chi của biên chế cơ quan hành chính đối với từng cấp như quy định tại khoản 2.9 nêu trên.

c) Các nhiệm vụ chi mang tính chất đặc thù:

- Ngân sách thành phố: Bố trí theo mục tiêu cụ thể được thành phố giao và tùy theo khả năng cân đối ngân sách hàng năm.

- Ngân sách cấp quận, huyện:

+ Hỗ trợ kinh phí tổ chức hoạt động cho các phong trào với mức bình quân 200.000.000 đồng/quận, huyện/năm (*Trong đó có kinh phí hoạt động của Ban vì sự tiến bộ phụ nữ*);

+ Kinh phí hỗ trợ ngoài lương với mức 250.000 đồng/biên chế/tháng cho cán bộ, công chức làm công tác mặt trận, đoàn thể theo chủ trương của Thành uỷ;

+ Kinh phí hỗ trợ giám sát đầu tư cộng đồng theo Thông tư liên tịch số 04/2006/BKHĐT-UBTWMTTQVN-BTC ngày 04/12/2006 với mức bình quân 5.000.000 đồng/quận, huyện/năm.

- Ngân sách phường, xã:

+ Hỗ trợ kinh phí hoạt động cho UBMTVN, Đoàn TNCS Hồ Chí Minh, Hội Liên hiệp Phụ nữ, Hội Nông dân, Cựu Chiến binh mức bình quân 10.000.000 đồng/phường, xã/ tổ chức/năm;

+ Kinh phí hoạt động hè cho Đoàn Thanh niên 10.000.000 đồng/phường, xã/năm;

+ Kinh phí hoạt động của Đội hoạt động xã hội tình nguyện theo mức 10.000.000 đồng/phường, xã/năm;

+ Ban vì sự tiến bộ của phụ nữ 10.000.000 đồng/phường, xã/năm;

+ Kinh phí hoạt động của Ban chỉ đạo toàn dân xây dựng đời sống văn hóa 10.000.000 đồng/phường, xã/năm;

+ Kinh phí hoạt động Ban Xóa đói giảm nghèo 5.000.000 đồng/ phường, xã/năm;

+ Kinh phí hoạt động Ban Thanh tra nhân dân 5.000.000 đồng/phường, xã/năm;

+ Kinh phí tổ chức thực hiện cuộc vận động toàn dân đoàn kết xây dựng đời sống văn hóa ở khu dân cư 1.000.000 đồng/tổ dân phố/năm, 5.000.000 đồng/thôn/năm;

+ Kinh phí tổ chức lấy phiếu tín nhiệm chức danh Chủ tịch, Phó Chủ tịch HĐND xã và Chủ tịch, Phó Chủ tịch UBND xã, phường bình quân 5.000.000 đồng/xã/năm;

+ Kinh phí hỗ trợ giám sát đầu tư cộng đồng theo Thông tư liên tịch số 04/2006/BKHĐT-UBTWMTTQVN-BTC ngày 04/12/2006 mức bình quân 3.000.000 đồng/phường, xã/năm.

2.9.4. Đối với các tổ chức chính trị xã hội - nghề nghiệp; tổ chức xã hội; tổ chức xã hội - nghề nghiệp:

Hỗ trợ theo quy định tại Nghị định số 45/2010/NĐ-CP ngày 21/4/2010 của Chính phủ và các văn bản hướng dẫn thực hiện.

a) Ngân sách cấp thành phố.

- Chi tiền lương, các khoản có tính chất lương, các khoản đóng góp (bảo hiểm xã hội, bảo hiểm y tế, kinh phí công đoàn,...) tính theo quy định hiện hành.

- Định mức phân bổ chi hành chính bằng định mức chi của biên chế cơ quan hành chính đối với từng cấp như quy định tại khoản 2.9 nêu trên.

- Hỗ trợ chi hoạt động của các tổ chức theo chủ trương của thành phố và tùy khả năng cân đối ngân sách hàng năm.

b) Ngân sách quận, huyện.

- Chi tiền lương, các khoản có tính chất lương, các khoản đóng góp (bảo hiểm xã hội, bảo hiểm y tế, kinh phí công đoàn,...) tính theo quy định hiện hành.

- Định mức phân bổ chi hành chính bằng định mức chi của biên chế cơ quan hành chính đối với từng cấp như quy định tại khoản 2.9 nêu trên.

- Trợ cấp cho cán bộ Hội (nếu có) theo quy định của thành phố.

- Hỗ trợ kinh phí hoạt động bình quân 50.000.000 đồng/quận, huyện/năm. UBND quận, huyện quyết định mức hỗ trợ phù hợp với khả năng ngân sách và tính chất hoạt động của từng tổ chức thuộc quận, huyện.

c) Ngân sách phường, xã.

Hỗ trợ kinh phí hoạt động bình quân 30.000.000 đồng/phường, xã/năm. UBND phường, HĐND xã và UBND các phường quyết định mức hỗ trợ phù hợp với khả năng ngân sách và tính chất hoạt động của từng tổ chức thuộc phường, xã.

2.10. Định mức phân bổ chi quốc phòng:

2.10.1. Định mức phân bổ theo tiêu chí dân số: 34.126 đồng/người dân/năm, phân bổ như sau:

a) Ngân sách cấp thành phố: 19.133 đồng/người dân/năm, phân bổ như sau:

- Chi cho công tác quân sự địa phương: 16.591 đồng/người dân/năm.

- Chi cho công tác biên phòng: 2.542 đồng/người dân/năm.

b) Ngân sách cấp quận, huyện: 6.747 đồng/người dân/năm, phân bổ như sau:

- Phân bổ mức bình quân chung 500.000.000 đồng/quận, huyện/năm (trương ứng với mức 3.748 đồng/người dân/năm).

- Phân bổ theo tiêu chí dân số: 2.999 đồng/người dân/năm, phân bổ như sau:

Đơn vị: đồng/người dân/năm

Vùng	Hệ số	Định mức phân bổ
Vùng 1	0,9	2.699
Vùng 2	1,0	2.999
Vùng 3	1,1	3.299

c) Ngân sách cấp phường, xã: 8.246 đồng/người dân/năm, phân bổ như sau:

Đơn vị: đồng/người dân/năm

Vùng	Hệ số	Định mức phân bổ
Vùng 1	0,9	7.068
Vùng 2	1,0	7.853
Vùng 3	1,1	8.638
Vùng 4	1,2	9.424

2.10.2. Định mức phân bổ ngoài tiêu chí dân số:

a) Kinh phí tăng thêm để thực hiện Luật Dân quân tự vệ so với Pháp lệnh dân quân tự vệ.

b) Kinh phí đào tạo các lớp sĩ quan dự bị theo Quyết định số 2002/QĐ-UBND ngày 17/3/2009 của UBND thành phố.

c) Kinh phí đào tạo trung cấp ngành quân sự cơ sở theo kế hoạch số 2499/KH-UB ngày 20/9/2010 và Quyết định số 7576/QĐ-UBND ngày 04/10/2010 của UBND thành phố.

d) Kinh phí cho các hoạt động tìm kiếm cứu nạn, cứu hộ, ứng phó thiên tai, thảm họa theo Quyết định số 76/2009/QĐ-TTg ngày 11/5/2009 của Chính phủ và Thông tư 92/2009/TT-BTC ngày 12/5/2009 của Bộ Tài chính.

đ) Kinh phí thực hiện thí điểm lực lượng dân quân thường trực theo Quyết định số 3218/QĐ-UBND ngày 29/4/2009 của UBND thành phố.

e) Kinh phí thực hiện các nhiệm vụ về quốc phòng phát sinh theo chủ trương của thành phố.

2.11. Định mức phân bổ chi an ninh:

2.11.1. Định mức phân bổ theo tiêu chí dân số: 14.940 đồng/người dân/năm.

a) Ngân sách cấp thành phố: 4.126 đồng/người dân/năm, đã bao gồm:

- Kinh phí thực hiện công tác phát huy người có uy tín trong đồng bào dân tộc thiểu số theo Chỉ thị số 06/2008/CT-TTg ngày 01/02/2008 của Thủ tướng Chính phủ.

- Kinh phí hoạt động của Ban chỉ đạo nhân quyền thành phố.

b) Ngân sách cấp quận, huyện: 4.135 đồng/người dân/năm, phân bổ như sau:

Đơn vị: đồng/người dân/năm

Vùng	Hệ số	Định mức phân bổ
Vùng 1	0,9	3.722
Vùng 2	1,0	4.135
Vùng 3	1,1	4.549

c) Ngân sách cấp phường, xã: 6.679 đồng/người dân/năm (đã bao gồm phụ cấp hàng tháng cho Ban bảo vệ dân phố theo Quyết định số 7131/QĐ-UBND ngày 01/9/2008 của UBND thành phố và kinh phí trang phục cho Ban bảo vệ dân phố theo phê duyệt của Ủy ban nhân dân thành phố), phân bổ như sau:

Đơn vị: đồng/người dân/năm

Vùng	Hệ số	Định mức phân bổ
Vùng 1	0,9	5.633
Vùng 2	1,0	6.259
Vùng 3	1,1	6.885
Vùng 4	1,2	7.511

2.11.2. Định mức phân bổ ngoài tiêu chí dân số:

a) Kinh phí để tổ chức phòng, chống cướp giết trên địa bàn thành phố theo Quyết định số 6981/QĐ-UBND ngày 14/9/2010 của UBND thành phố.

b) Chi thực hiện hoạt động tuần tra ban đêm để phòng chống tội phạm, quản lý an ninh trật tự theo Quyết định số 6259/QĐ-UBND ngày 17/8/2009 của UBND thành phố.

c) Bổ sung kinh phí phụ cấp cho công an viên theo quyết định số 6291/QĐ-UBND ngày 21/8/2010 của UBND thành phố, kinh phí hoạt động của công an thôn 2.000.000 đồng/thôn/năm.

2.12. Mức phân bổ chi sự nghiệp kinh tế:

Bằng 9% chi thường xuyên các lĩnh vực chi (từ mục 2.1 đến mục 2.11) đã tính được theo định mức phân bổ dự toán chi ngân sách quy định ở trên và được quy thành 100% để phân bổ cho từng cấp ngân sách như sau:

- Ngân sách cấp thành phố 66%.
- Ngân sách cấp quận, huyện 30%.
- Ngân sách cấp phường xã 4%.

Đối với cấp thành phố và quận huyện phân bổ đảm bảo chi hoạt động của bộ máy các đơn vị sự nghiệp (bao gồm: tiền lương, các khoản có tính chất lương, các khoản đóng góp tính theo quy định hiện hành trên định biên được giao và chi hành chính theo định mức 18.000.000 đồng/biên chế/năm); đảm bảo chi thực hiện các chương trình, đề án và nhiệm vụ của từng ngành, lĩnh vực theo phân cấp. Cơ cấu như sau:

Cấp	Tổng số (%)	Thủy sản Nông lâm (%)	Tài nguyên (%)	GTCC và KTTC (%)	Sự nghiệp tế khác (%)
Tổng số	100,00	10,70	2,55	60,75	26,00
Thành phố	66,00	6,35	0,65	43,25	15,75
Quận, huyện	30,00	3,00	1,25	15,50	10,25
Phường, xã	4,00	1,35	0,65	2,00	

2.13. Mức phân bổ chi sự nghiệp môi trường:

Bằng 4,5% tổng chi thường xuyên của các lĩnh vực (từ mục 2.1 đến mục 2.11), được quy thành 100%, để phân bổ cho các cấp ngân sách như sau:

a) Ngân sách thành phố:

Mức phân bổ bằng 93% tổng mức chi sự nghiệp môi trường, đảm bảo kinh phí chi cho hoạt động bộ máy của đơn vị sự nghiệp (bao gồm: tiền lương, các khoản có tính chất lương, các khoản đóng góp tính theo quy định hiện hành trên định biên được giao và chi hành chính theo định mức 18.000.000 đồng/biên chế/năm), chi cho công tác vệ sinh môi trường, chi quản lý vận hành hệ thống thoát nước và xử lý nước thải đô thị và nhiệm vụ khác về bảo vệ môi trường.

b) Ngân sách quận, huyện:

Mức phân bổ bằng 5% tổng chi sự nghiệp môi trường, phân bổ theo hệ số vùng cụ thể như sau:

Vùng	Hệ số phân bổ
Vùng 1	0,8
Vùng 2	1,0
Vùng 3	1,2

c) Ngân sách phường, xã: Mức phân bổ bằng 2% tổng chi sự nghiệp môi trường, tương ứng 10.000.000 đồng/phường, xã/năm.

2.14. Mức phân bổ chi khác ngân sách:

a) Ngân sách cấp thành phố:

Bố trí theo khả năng ngân sách và nhiệm vụ được giao hằng năm, đảm bảo bằng 5% trên tổng chi thường xuyên để thực hiện các nhiệm vụ như: mục tiêu, chương trình theo Nghị quyết 33-NQ/TW của Bộ Chính trị, tổ chức kỷ niệm các ngày lễ lớn, trợ cấp tết nguyên đán, hỗ trợ chương trình hợp tác Quảng Nam, chương trình hợp tác Lào, kinh phí thực hiện chính sách tinh giảm biên chế, Quỹ Khen thưởng tập trung của thành phố và các mục tiêu, nhiệm vụ khác được thành phố giao.

b) Ngân sách cấp quận, huyện:

Mức phân bổ tối thiểu bằng 2% tổng chi thường xuyên cấp quận, huyện (*Gồm cả quỹ khen thưởng tập trung và các khoản chi khác*).

c) Ngân sách cấp phường, xã:

Mức phân bổ tối thiểu bằng 1% tổng chi thường xuyên cấp phường, xã (*Gồm cả quỹ khen thưởng tập trung và các khoản chi khác*).

3. Dự phòng ngân sách:

Tùy theo khả năng cân đối ngân sách hằng năm bố trí dự phòng ngân sách từ 3% đến 5% tổng chi cân đối ngân sách.

Điều 10. Tỷ lệ phần trăm (%) phân chia các khoản thu phân chia giữa các cấp ngân sách địa phương.

1. Tỷ lệ phần trăm (%) phân chia các khoản thu phân chia cho ngân sách quận, huyện: chi tiết theo phụ lục III.

2. Tỷ lệ phần trăm (%) phân chia các khoản thu phân chia cho ngân sách từng phường, xã: chi tiết theo phụ lục IV.

Chương IV **TỔ CHỨC THỰC HIỆN**

Điều 11. Trong quá trình thực hiện Quy định này, nếu có vướng mắc, các cơ quan, đơn vị, địa phương phản ánh bằng văn bản về Sở Tài chính để tổng hợp báo cáo Ủy ban nhân dân thành phố xem xét, sửa đổi, bổ sung cho phù hợp./.

TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH

Võ Duy Khương

Phụ lục I ĐỊNH MỨC CHI CÁC KHOẢN KINH PHÍ ĐẶC THÙ THUỘC LĨNH VỰC QUẢN LÝ HÀNH CHÍNH KHỐI QUẬN, HUYỆN

(Kèm theo Quyết định số 41/2010/QĐ-UBND ngày 06/12/2010 của UBND thành phố)

STT	Nội dung	Mức phân bổ
1	Kinh phí thực hiện công tác tôn giáo	45 triệu đồng/quận, huyện
2	Kinh phí công tác phổ biến, giáo dục pháp luật; hoạt động của Hội đồng phối hợp công tác phổ biến, giáo dục pháp luật của cơ quan Thường trực	15 triệu đồng/quận, huyện
3	Kinh phí mua biểu mẫu hộ tịch do miễn thu lệ phí hộ tịch theo Chỉ thị 24/2007/CT-TTG	5 triệu đồng/phường xã/năm
4	Kinh phí tham gia giải quyết khiếu nại tố cáo của nông dân theo Chỉ thị số 26/2001/CT-TTg ngày 09/10/2001	10 triệu đồng/quận, huyện
5	Kinh phí trang phục cho cơ quan Thanh tra theo Thông tư liên tịch 150/2007/TTLT-BTC-TTCP ngày 14/12/2007	Lập dự toán kinh phí theo quy định hiện hành
6	Kinh phí Ban Phòng chống lụt bão	20 triệu đồng/01 ban
7	Kinh phí thực hiện Luật phòng, chống bạo lực gia đình theo QĐ 10699/QĐ-UBND ngày 23/12/2008 của UBND thành phố	23 triệu đồng/quận, huyện/năm
8	Phụ cấp trách nhiệm cho cấp uỷ viên cho các chi Đảng bộ cơ sở trong các cơ quan hành chính, đơn vị sự nghiệp và các tổ chức chính trị - Xã hội theo Quyết định 169-QĐ/TW của BCH trung ương Đảng	0,3 mức lương tối thiểu/uy viên/tháng
9	Kinh phí thực hiện theo dõi tình hình thi hành pháp luật theo Thông tư 03/2010/TT-BTP ngày 3/3/2010 của Bộ Tư pháp	10 triệu đồng/quận, huyện/năm
10	Phụ cấp ưu đãi đối với người làm công tác tôn giáo theo Công văn số 5364/UBND-NCPC ngày 30/8/2010 của UBND thành phố	Theo mức: chuyên trách: 1 lần lương tối thiểu; bán chuyên trách: 0,5 lần lương tối thiểu.

Phụ lục II ĐỊNH MỨC CHI CÁC KHOẢN KINH PHÍ ĐẶC THÙ
THUỘC LĨNH VỰC QUẢN LÝ HÀNH CHÍNH KHỐI PHƯỜNG, XÃ
(Kèm theo Quyết định số 41/2010/QĐ-UBND ngày 06 / 12 /2010 của UBND thành phố)

ST T	Nội dung	Định mức phân bổ
1	Phụ cấp, SHP đại biểu HĐND xã theo Nghị quyết số 753/2005/NQ-UBTVQH11 ngày 02/4/2005 của Quốc hội	0,3 mức lương tối thiểu/tháng
2	BHYT Đại biểu HĐND xã đối với ĐB không hưởng lương từ ngân sách theo Nghị quyết số 753/2005/NQ-UBTVQH11 ngày 02/4/2005 của Quốc hội	4,5% mức lương tối thiểu/tháng
3	Kinh phí hoạt động của HĐND xã	5 triệu đồng/xã/năm
4	Kinh phí công tác phổ biến, giáo dục pháp luật	10 triệu đồng/phường, xã/năm
5	Kinh phí quản lý đường Nguyễn Tất Thành, Sơn Trà - Điện Ngọc	Theo quy định hiện hành
6	Kinh phí thực hiện mô hình "một cửa liên thông" tại xã, phường theo QĐ 2892/QĐ-UBND ngày 20/4/2009 của UBND thành phố	Đối với phường: 0,8 triệu đồng/tháng/phường, Đối với xã: nhóm A: 1,2 triệu đồng/tháng/xã, nhóm B: 1,1 triệu đồng/tháng/xã, nhóm C: 1,0 triệu đồng/tháng/xã.
7	Phụ cấp theo phân loại đơn vị hành chính đối với cán bộ công chức phường xã theo Quyết định số 6291/QĐ-UBND ngày 21/8/2010 của UBND thành phố	Đối với phường, xã loại 1: 10% lương theo ngạch bậc chức vụ; loại 2: 5% lương theo ngạch bậc chức vụ
8	Phụ cấp phân theo đơn vị hành chính đối với cán bộ không chuyên trách theo Quyết định số 6291/QĐ-UBND ngày 21/8/2010 của UBND thành phố.	Đối với phường, xã loại 1: 10% mức phụ cấp; loại 2: 5% mức phụ cấp.
9	Phụ cấp cho cán bộ công chức làm việc tại bộ phận tiếp nhận và trả hồ sơ tại phường, xã theo Quyết định số 858/QĐ-UBND ngày 29/01/2010 của UBND thành phố	200.000 đồng/người/tháng
10	Kinh phí tham gia giải quyết khiếu nại tố cáo của nông dân theo Chỉ thị số 26/2001/CT-TTg ngày 09/10/2001	5 triệu đồng/phường, xã/năm
11	Kinh phí thực hiện Luật phòng, chống bạo lực gia đình theo QĐ 10699/QĐ-UBND ngày 23/12/2008 của UBND thành phố	5 triệu đồng/phường, xã/năm
12	Kinh phí trợ giúp pháp lý tại cơ sở theo Công văn số 778/BTP-TGPL ngày 25/3/2010 của Bộ Tư pháp và hỗ trợ tủ sách pháp luật phường xã	7 triệu đồng/phường, xã/năm

	theo QĐ 06/2010/QĐ-TTg ngày 25/01/2010 của Thủ tướng CP (Kinh phí từ sách 2trđ/p,x; kinh phí trợ giúp pháp lý 5trđ/p,x)	
13	Kinh phí thực hiện theo dõi tình hình thi hành pháp luật theo Thông tư 03/2010/2010 ngày 3/3/2010 của Bộ Tư pháp	5triệu đồng/phường xã/năm
14	Phụ cấp ưu đãi đối với người làm công tác tôn giáo theo Công văn số 5364/UBND-NCPC ngày 30/8/2010 của UBND thành phố	Theo mức: chuyên trách: 1 lần lương tối thiểu; bán chuyên trách: 0,5 lần lương tối thiểu.

PHỤ LỤC III
TỶ LỆ PHẦN TRĂM (%) PHÂN CHIA CÁC KHOẢN THU PHÂN CHIA
CHO NGÂN SÁCH QUẬN, HUYỆN NĂM 2011

(Kèm theo QĐ số 41/2010/QĐ-UBND ngày 06/12/2010 của UBND thành phố)

DVT: Phần trăm(%)

STT	Quận, huyện	Trung ương	Địa phương	Trong đó	
				NSTP	NSQ,H
A	B	1	2=3+4	3	4
1	Quận Hải Châu	15	85	53	32
2	Quận Thanh Khê	15	85	22	63
3	Quận Liên Chiểu	15	85	15	70
4	Quận Sơn Trà	15	85	0	85
5	Quận Ngũ H Sơn	15	85	0	85
6	Quận Cẩm Lệ	15	85	0	85
7	Huyện Hòa Vang	15	85	0	85

Ghi chú:

Tỷ lệ phân chia ở trên được áp dụng đối với các nguồn thu: Thuế

Giá trị gia tăng,

Thuế Thu nhập doanh nghiệp, Thuế Thu nhập cá nhân, Thuế Tiêu

thụ đặc biệt do Chi

cục thuế quận, huyện trực tiếp quản

lý thu.

Phụ lục IV:**TỶ LỆ PHẦN TRĂM (%) PHÂN CHIA CÁC KHOẢN THU
PHÂN CHIA CHO NGÂN SÁCH TỪNG PHƯỜNG, XÃ NĂM 2011***Kèm theo QĐ số 41/2010/QĐ-UBND ngày 06/12/2010 của UBND thành phố)**DVT: Phần trăm(%)*

STT	Phường, xã	Thuế giá trị gia tăng	Thuế thu nhập cá nhân	Thuế tiêu thụ đặc biệt	Thuế môn bài	Thuế nhà đất	Lệ phí trước bạ nhà đất
<i>A</i>	<i>B</i>	<i>1</i>	<i>2</i>	<i>3</i>	<i>4</i>	<i>5</i>	<i>6</i>
	Quận Hải Châu						
1	Hải Châu 2	12	12	12	70	70	
2	Hải Châu 1	22	22	22	70	70	
3	Phước Ninh	32	32	32	70	70	
4	Thạch Thang	32	32	32	70	70	
5	Nam Dương	32	32	32	70	70	
6	Hòa Cường Bắc	32	32	32	70	70	
7	Hòa Cường Nam	32	32	32	70	70	
8	Hòa Thuận Đông	32	32	32	70	70	
9	Hòa Thuận Tây	32	32	32	70	70	
10	Bình Thuận	32	32	32	70	70	
11	Bình Hiên	32	32	32	70	70	
12	Thanh Bình	32	32	32	70	70	
13	Thuận Phước	32	32	32	70	70	
	Quận Thanh Khê						
1	Vĩnh Trung	60	60	60	70	70	
2	Thạc Gián	62	62	62	70	70	
3	Chính Gián	63	63	63	70	70	
4	Tân Chính	63	63	63	70	70	
5	An Khê	63	63	63	70	70	
6	Thanh Khê Đông	63	63	63	70	70	
7	Xuân Hà	63	63	63	70	70	
8	Hòa Khê	63	63	63	70	70	
9	Thanh Khê Tây	63	63	63	70	70	
10	Tam Thuận	63	63	63	70	70	
	Quận Liên Chiểu						
1	Hòa Khánh Nam	70	70	70	70	70	
2	Hòa Khánh Bắc	70	70	70	70	70	

3	Hòa Minh	70	70	70	70	70	
4	Hòa Hiệp Nam	70	70	70	70	70	
5	Hòa Hiệp Bắc	70	70	70	70	70	
	Quận Sơn Trà						
1	An Hải Đông	85	85	85	70	70	
2	An Hải Tây	85	85	85	70	70	
3	An Hải Bắc	85	85	85	70	70	
4	Phước Mỹ	85	85	85	70	70	
5	Thọ Quang	85	85	85	70	70	
6	Nại Hiên Đông	85	85	85	70	70	
7	Mân Thái	85	85	85	70	70	
	Quận Ngũ Hành Sơn						
1	Mỹ An	85	85	85	70	70	
2	Khuê Mỹ	85	85	85	70	70	
3	Hòa Hải	85	85	85	70	70	
4	Hòa Quý	85	85	85	70	70	
	Quận Cẩm Lệ						
1	Khuê Trung	85	85	85	70	70	
2	Hòa Thọ Đông	85	85	85	70	70	
3	Hòa An	85	85	85	70	70	
4	Hòa Xuân	85	85	85	70	70	
5	Hòa Thọ Tây	85	85	85	70	70	
6	Hòa Phát	85	85	85	70	70	
	Huyện Hoà Vang						
1	Hòa Tiến	85	85	85	70	70	70
2	Hòa Châu	85	85	85	70	70	70
3	Hòa Phước	85	85	85	70	70	70
4	Hòa Nhơn	85	85	85	70	70	70
5	Hòa Phong	85	85	85	70	70	70
6	Hòa Khương	85	85	85	70	70	70
7	Hòa Sơn	85	85	85	70	70	70
8	Hòa Liên	85	85	85	70	70	70
9	Hòa Ninh	85	85	85	70	70	70
10	Hòa Bắc	85	85	85	70	70	70
11	Hòa Phú	85	85	85	70	70	70

Ghi chú:

- Thuế giá trị gia tăng, tiêu thụ đặc biệt và thuế môn bài áp dụng đối với các hộ kinh doanh cá thể

- Đối với thuế môn bài, thuế nhà đất, lệ phí trước bạ: được điều tiết cho ngân sách quận, huyện hưởng 100% và tiếp tục phân chia giữa ngân sách quận, huyện với ngân sách phường, xã theo tỷ lệ nêu trên.

- Đối với thuế sử dụng đất nông nghiệp nếu trên thực tế có phát sinh thì điều tiết cho ngân sách phường, xã hưởng 100%.

Phụ lục V: CÁC PHƯỜNG, XÃ CÓ THỰC HIỆN NHIỆM VỤ CHI SỰ NGHIỆP THỦY SẢN NÔNG LÂM
(Ban hành kèm theo Quyết định số 41/2010/QĐ-UBND ngày 06/12/2010 của UBND thành phố Đà Nẵng)

STT	Phường, xã	Thuộc quận, huyện	STT	Phường, xã	Thuộc quận, huyện
1	Phường Hòa Cường Bắc	Hải Châu	19	Phường Hòa Hiệp Bắc	Liên Chiểu
2	Phường Hòa Cường Nam	Hải Châu	20	Phường Hòa Hiệp Nam	Liên Chiểu
3	Phường Thuận Phước	Hải Châu	21	Phường Hòa Minh	Liên Chiểu
4	Phường Thanh Bình	Hải Châu	22	Phường Hòa Xuân	Cẩm Lệ
5	Phường Thanh Khê Đông	Thanh Khê	23	Phường Hòa An	Cẩm Lệ
6	Phường Thanh Khê Tây	Thanh Khê	24	Phường Hòa Phát	Cẩm Lệ
7	Phường Xuân Hà	Thanh Khê	25	Phường Hòa Thọ Đông	Cẩm Lệ
8	Phường An Hải Đông	Sơn Trà	26	Phường Hòa Thọ Tây	Cẩm Lệ
9	Phường An Hải Tây	Sơn Trà	27	Xã Hòa Tiến	Hòa Vang
10	Phường An Hải Bắc	Sơn Trà	28	Xã Hòa Khương	Hòa Vang
11	Phường Phước Mỹ	Sơn Trà	29	Xã Hòa Nhơn	Hòa Vang
12	Phường Nại Hiên Đông	Sơn Trà	30	Xã Hòa Phong	Hòa Vang
13	Phường Mân Thái	Sơn Trà	31	Xã Hòa Phước	Hòa Vang
14	Phường Thọ Quang	Sơn Trà	32	Xã Hòa Châu	Hòa Vang
15	Phường Hòa Quý	Ngũ Hành Sơn	33	Xã Hòa Bắc	Hòa Vang
16	Phường Hòa Hải	Ngũ Hành Sơn	34	Xã Hòa Phú	Hòa Vang
17	Phường Khuê Mỹ	Ngũ Hành Sơn	35	Xã Hòa Ninh	Hòa Vang
18	Phường Mỹ An	Ngũ Hành Sơn	36	Xã Hòa Liên	Hòa Vang
			37	Xã Hòa Sơn	Hòa Vang